



Thời gian : 02/10/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F				
					5%	10%	15%	15%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ		
1	172617015	Trần Thị Lệ Hằng	ENG 206 A	K17NAB	8	9.5	5	10					5.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
2	171685257	Trần Việt Hằng	ENG 206 A	K17NCD1	9	9.5	8.3	10					7.2	8.1	Tám Phẩy Một		
3	171685265	Lê Nhất Linh	ENG 206 A	K17NCD1	6	9	8.4	5					3.2	0.0	Không		
4	152615748	Đặng Huyền Ngọc Mơ	ENG 206 A	K17NAB	2	5	3.4	5					v	0.0	Không		
5	171685275	Võ Thị Thanh Nhân	ENG 206 A	K17NCD1	7	9	6.3	9.7					4.8	6.3	Sáu Phẩy Ba		
6	171685278	Nguyễn Thụy Quỳnh Như	ENG 206 A	K17NCD2	7	9	8.1	7.9					5.4	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
7	172617018	Lê Thị Minh Phương	ENG 206 A	K17NAB	9	9.5	6.4	10					4.8	6.5	Sáu Phẩy Năm		
8	171685286	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	ENG 206 A	K17NCD2	6	8.5	7.5	9.1					7	7.5	Bảy Phẩy Năm		
9	171685296	Trần Thị Thuận	ENG 206 A	K17NCD2	10	10	6.6	9					6.4	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
10	171685298	Nguyễn Thị Thanh Thủy	ENG 206 A	K17NCD2	3	7	7.2	7.5					5.5	6.1	Sáu Phẩy Một		
11	171685300	Trần Thùy Trâm	ENG 206 A	K17NCD2	3	7	6.3	7.3					4.8	5.5	Năm Phẩy Năm		
12	171685303	Nguyễn Mai Khánh Trang	ENG 206 A	K17NCD2	7	8.5	6.2	8					6.2	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
13	172618877	Nguyễn Ngọc Kim Uyên	ENG 206 A	K17NAB	9	9.5	6.4	9.5					6.1	7.1	Bảy Phẩy Một		
14	171685243	Nguyễn Thái An	ENG 206 B	K17NCD1	9	9	9.6	7.5					6.9	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
15	171685246	Đặng Thị Cẩm Anh	ENG 206 B	K17NCD1	10	8	7.3	8.8					6.6	7.3	Bảy Phẩy Ba		
16	171685245	Lê Duy Anh	ENG 206 B	K17NCD1	10	7	7.2	9					5.3	6.5	Sáu Phẩy Năm		
17	171685244	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	ENG 206 B	K17NCD1	8	8	7.3	9					6.1	7.0	Bảy		
18	171685247	Vũ Thị Thục Anh	ENG 206 B	K17NCD1	10	10	9.2	9					6.4	7.8	Bảy Phẩy Tám		
19	171685251	Nguyễn Thị Kim Chung	ENG 206 B	K17NCD1	8	7	9.8	7.5					4.3	6.1	Sáu Phẩy Một		
20	171685252	Phạm Đình Đại	ENG 206 B	K17NCD1	10	10	10	8.8					6.8	8.1	Tám Phẩy Một		
21	171685254	Lê Lam Hà	ENG 206 B	K17NCD2	9	8	8.3	8.5					5.3	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
22	171685253	Phùng Thị Thu Hà	ENG 206 B	K17NCD1	10	9	8.1	8.5					5.9	7.1	Bảy Phẩy Một		
23	171685255	Trần Thị Thu Hà	ENG 206 B	K17NCD1	10	10	7.9	8.5					5.5	7.0	Bảy		
24	171685258	Hồ Thị Mỹ Hạnh	ENG 206 B	K17NCD1	9	8	7.9	8.5					hp	0.0	Không		
25	152614386	Nguyễn Thị Oanh Kiều	ENG 206 B	K17NAB	9	7	5.7	7					5.3	6.0	Sáu		
26	171685264	Lương Thị Bảo Lan	ENG 206 B	K17NCD1	9	8	8.3	8.5					5.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
27	171685266	Phan Đức Lộc	ENG 206 B	K17NCD1	10	10	7.6	9					6.2	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
28	171685268	Lê Thị Lý	ENG 206 B	K17NCD1	9	8	6.6	7.5					4.9	6.1	Sáu Phẩy Một		
29	171685269	Phan Thị Tuyết Mai	ENG 206 B	K17NCD1	8	7	9.3	7.5					4.7	6.2	Sáu Phẩy Hai		
30	171685271	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	ENG 206 B	K17NCD1	8	7	8.3	7.5					5.5	6.5	Sáu Phẩy Năm		
31	171685272	Hồ Thị Bích Ngọc	ENG 206 B	K17NCD1	10	10	8.6	8.8					6.6	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
32	171685273	Tiêu Nguyễn Hồng Ngọc	ENG 206 B	K17NCD1	5	7	8.2	9					6.2	6.9	Sáu Phẩy Chín		
33	171685277	Phan Thị Yến Nhi	ENG 206 B	K17NCD2	7	7	6.2	8.5					5.5	6.3	Sáu Phẩy Ba		
34	171685279	Nguyễn Thị Kim Oanh	ENG 206 B	K17NCD2	9	7	7.6	8.5					4	5.8	Năm Phẩy Tám		
35	171685280	Nguyễn Mai Phương	ENG 206 B	K17NCD2	6	7	6.4	8.5					5.2	6.1	Sáu Phẩy Một		



Thời gian : 02/10/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F				
					5%	10%	15%	15%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ		
36	171688964	Phạm Thị Sang	ENG 206 B	K17NCD2	8	7	7.7	5					5.2	5.9	Năm Phẩy Chín		
37	171685283	Nguyễn Thị Thu	Sương	ENG 206 B	K17NCD2	9	7	6.5	7					3.2	0.0	Không	
38	171685287	Đoàn Thị Kim	Thanh	ENG 206 B	K17NCD1	10	9	7.6	7					4.2	5.9	Năm Phẩy Chín	
39	171685285	Lê Thị Xuyên	Thanh	ENG 206 B	K17NCD2	10	9	8	8.5					6.6	7.5	Bảy Phẩy Năm	
40	171685289	Lê Thị Thu	Thảo	ENG 206 B	K17NCD2	10	10	8.7	9					7	8.0	Tám	
41	171685291	Nguyễn Thị Thu	Thảo	ENG 206 B	K17NCD2	10	9	7.7	8.5					5.8	7.0	Bảy	
42	171685295	Trần Thị Anh	Thư	ENG 206 B	K17NCD2	8	7	8.6	8.5					4.8	6.3	Sáu Phẩy Ba	
43	171685299	Trương Thị Thanh	Thủy	ENG 206 B	K17NCD2	10	9	8.5	8.5					5.8	7.1	Bảy Phẩy Một	
44	171685302	Lê Thị Huyền	Trang	ENG 206 B	K17NCD2	9	10	8	9					6.6	7.6	BảyPhẩy Sáu	
45	171685305	Mai Thị Loan	Trình	ENG 206 B	K17NCD2	10	10	8.7	8.5					7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
46	171685304	Trương Thị	Trình	ENG 206 B	K17NCD2	9	7	6.3	7					5.4	6.1	Sáu Phẩy Một	
47	171685307	Nguyễn Thị Mi	Tuyền	ENG 206 B	K17NCD2	9	9	8.1	8.5					5.9	7.1	Bảy Phẩy Một	
48	171685308	Trần Thị Huỳnh Ánh Tuyết		ENG 206 B	K17NCD2	10	8	8.5	9					6.4	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
49	171685310	Lê Ngô Khánh Vy		ENG 206 B	K17NCD2	10	10	7.3	9					6.6	7.6	BảyPhẩy Sáu	
50	172617013	Lê Thị Ngọc	Ánh	ENG 206 C	K17NAB	8	8.5	7	6.5					6.6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
51	172617014	Nguyễn Thị Hải	Châu	ENG 206 C	K17NAB	10	10	7.6	9.2					6.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
52	171685250	Lê Thị Thảo	Chi	ENG 206 C	K17NCD1	3	5	7.2	6.5					7.4	6.8	Sáu Phẩy Tám	
53	172618878	Hà Thị Thúy	Diễm	ENG 206 C	K17NAB	8	8.5	6	7					8.1	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
54	172627001	Phan Thị Mĩ	Dung	ENG 206 C	K17NAD	9	9.5	8.1	8.6					6.6	7.5	Bảy Phẩy Năm	
55	171685260	Huỳnh Thị Kim	Hiếu	ENG 206 C	K17NCD1	10	9.5	6.2	7					7.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
56	171685261	Võ Thị	Hoà	ENG 206 C	K17NCD1	7	9	6.5	8.6					8.8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
57	172617016	Lê Thị	Hương	ENG 206 C	K17NAD	10	10	7.6	9.5					8.6	8.8	Tám Phẩy Tám	
58	172627002	Phạm Thị	Lê	ENG 206 C	K17NAD	10	10	7.5	9.2					8.8	8.8	Tám Phẩy Tám	
59	171685267	Hồ Thị Mỹ	Lợi	ENG 206 C	K17NCD1	7	8	5.4	7					9	8.0	Tám	
60	172617017	Lê Thị Mỹ	Luyện	ENG 206 C	K17NAB	9	9.5	6.9	9.2					8.8	8.7	Tám Phẩy Bảy	
61	171688967	Huỳnh Thị Ánh	Ngọc	ENG 206 C	K17NCD1	10	9.5	6.1	7					8.3	8.0	Tám	
62	162616557	Lê Thị	Nhi	ENG 206 C	K17NAB	10	10	8.6	10					7.8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
63	172627004	Nguyễn Thị Kim	Nữ	ENG 206 C	K17NAD	9	9.5	8	8.1					8.3	8.4	Tám Phẩy Bốn	
64	171685281	Vương Thảo	Quyên	ENG 206 C	K17NCD2	10	9.5	6.6	8					7.6	7.8	Bảy Phẩy Tám	
65	171685292	Nguyễn Thị Bích	Thảo	ENG 206 C	K17NCD2	0	0	0	0					hp	0.0	Không	
66	171685293	Nguyễn Lê Trí	Thịnh	ENG 206 C	K17NCD2	10	10	9.6	8.5					7.3	8.2	Tám Phẩy Hai	
67	172627007	Hà Thanh	Thu	ENG 206 C	K17NAD	10	10	7.6	8.8					8.6	8.7	Tám Phẩy Bảy	
68	172627006	Nguyễn Thị Diệu	Thu	ENG 206 C	K17NAD	8	9.5	7.2	8.6					8.8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
69	171685294	Hoàng Thị Anh	Thư	ENG 206 C	K17NCD2	1	4	5.9	4					hp	0.0	Không	
70	172627008	Nguyễn Đỗ Thị Minh Thư	Thư	ENG 206 C	K17NAD	10	10	5.8	8.2					6.2	7.0	Bảy	

Thời gian : 02/10/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	15%	15%	0%	0%	0%	0%	55%				
71	172617021	Trần Thị Kim Phùng	Thuỷ	ENG 206 C	K17NAB	5	8	7.1	7.5					5.9	6.5	Sáu Phẩy Năm	
72	172617022	Phạm Thị Bích	Thúy	ENG 206 C	K17NAB	9.5	9.5	6.9	8.1					5.4	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
73	172619020	Đinh Thị	Thủy	ENG 206 C	K17NAB	10	9.5	7.9	7					6.6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
74	172627009	Nguyễn Thị Bích	Thủy	ENG 206 C	K17NAD	10	9.5	7.6	8.1					8.6	8.5	Tám Phẩy Năm	
75	172617023	Hoàng Thị Thùy	Trang	ENG 206 C	K17NAB	8	9.5	5.9	8.9					8.6	8.3	Tám Phẩy Ba	
76	172617024	Lê Thị Phương	Trang	ENG 206 C	K17NAB	7	8	5.9	7.3					6.9	6.9	Sáu Phẩy Chín	
77	172627010	Đặng Khánh	Trình	ENG 206 C	K17NAD	10	10	8.3	8.4					9.3	9.1	Chín Phẩy Một	
78	172617025	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	ENG 206 C	K17NAB	10	10	8.1	8					8.3	8.5	Tám Phẩy Năm	
79	172627011	Lê Phương	Tuấn	ENG 206 C	K17NAD	3	6	7.3	4					v	0.0	Không	
80	171685309	Nguyễn Thị Hải	Vy	ENG 206 C	K17NCD2	6	7	7.3	4					hp	0.0	Không	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	72	90%	
2	Số sinh viên nợ	8	10%	
TỔNG CỘNG :		80	100%	

NGƯỜI LẬP

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 12 năm 2012
TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC & SAU ĐẠI HỌC

PHẠM NGỌC TỈNH

THS. NGUYỄN HỮU PHÚ